TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM - PT
Ngày: 15 - 8 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT - KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM - ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐ - PT ngày 07 tháng 5 năm 2019; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 01/2019/QĐ - KDTM ngày tháng 24 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ - KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần thương mại dầu khí C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Nguyên K. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh P, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: phường A, thành phố V, tỉnh L. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Thiệu Quang S, Công ty Luật TNHH X – Chi nhánh Sài Gòn.

Địa chỉ: phường Q, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn X - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H.

Địa chỉ doanh nghiệp: Khu vực N, phường Z, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: phường E, quận K, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: phường E, quận K, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Ông Đặng Chí T, sinh năm: 1975.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: khu vực D, phường LT, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1: Ông Lý Bình Đ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại dầu khí C; Bị đơn ông Đặng Văn X - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2017, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 22/3/2018 quá trình giải quyết thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần thương mại dầu khí C, ông Lê Vĩnh P trình bày:

Giữa công ty cổ phần thương mại dầu khí C (gọi tắt là công ty dầu khí C) và doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H (gọi tắt là doanh nghiệp H) do ông Đặng Văn X làm chủ doanh nghiệp có ký kết hợp đồng tổng đại lý xăng dầu số 01/HĐ -TĐLXD vào ngày 01/01/2012. Theo đó doanh nghiệp H làm tổng đại lý xăng dầu, nhận và phân phối xăng dầu cho công ty dầu khí C. Trên cơ sở làm tổng đại lý công ty dầu khí C và doanh nghiệp H có ký các văn bản thỏa thuận và các hợp đồng ký gởi với nội

dung công ty dầu khí C đồng ý cho doanh nghiệp H mua xăng dầu trả chậm với định mức tối đa và tiền lãi đối với khoản nợ vượt định mức được các bên thỏa thuận tại từng thời điểm. Các bên đã thực hiện hợp đồng và công ty dầu khí C đã cung cấp xăng dầu cho doanh nghiệp H theo bản đối chiếu công nợ qua các năm. Theo đó doanh nghiệp H được phép trả chậm và có tính lãi đối với các khoản nợ. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng thì doanh nghiệp H có ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo trả nợ số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 và hợp đồng số 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014, qua đó nếu doanh nghiệp H không thanh toán đầy đủ cho công ty dầu khí C thì công ty dầu khí C có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ. Tuy nhiên giữa công ty dầu khí C và doanh nghiệp H ký hợp đồng thế chấp không có đăng ký giao dịch đảm bảo mà chỉ có công chứng tại văn phòng công chứng. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì doanh nghiệp H còn nợ công ty dầu khí C tổng cộng số tiền là 40.247.888.207 đồng, trong đó nợ gốc là 31.066.350.876 đồng và lãi là 9.181.537.331 đồng.

Do đó công ty dầu khí C yêu cầu doanh nghiệp H do ông Đặng Văn X làm chủ doanh nghiệp phải trả số nợ tổng cộng là 40.247.888.207 đồng, nếu ông X không trả thì yêu cầu được xử lý các tài sản mà ông X, bà C đã thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trường Thành trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, doanh nghiệp H còn nợ công ty dầu khí C 31.060.554.207 đồng, đối với phần lãi ông X yêu cầu công ty dầu khí C không tính vì hợp đồng mua bán đến tháng 12/2017 mới kết thúc, nếu tính lãi thì tính từ tháng 01/2018.

Đối với tài sản doanh nghiệp H thế chấp cho công ty dầu khí C theo hợp đồng số: 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 đến nay đã hết hạn và không có đăng ký giao dịch bảo đảm nên ông X yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp và yêu cầu công ty dầu khí C trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông X, bà C đã thế chấp để ông X bà C tự bán và thanh toán số nợ cho công ty dầu khí C. Ông yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 vì không có giao dịch đảm bảo, yêu cầu công ty dầu khí C trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông X, bà C đã thế chấp.

Đối với tài sản ông X, bà C thế chấp cho công ty dầu khí C thì hiện nay ông X, bà C vẫn sử dụng không có sang bán, cầm cố, thế chấp cho ai.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ C, ông Nguyễn Trường T trình bày: Bà C ký hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 để đảm bảo thanh toán nợ cho doanh nghiệp H. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ là 02 năm, đến nay đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng thế chấp. Mặt khác hợp đồng thế chấp không có đăng ký giao dịch bảo đảm nên không có giá trị pháp lý. Do đó, bà C yêu cầu công ty dầu khí C trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho công ty dầu khí C.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Lý Bình Đ trình bày: Ông T, bà T1 có ký kết hợp đồng số: 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 để đảm bảo trả nợ cho doanh nghiệp H. Thời hạn thế chấp là 24 tháng, do hợp đồng thế chấp không có đăng ký giao dịch đảm bảo nên ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp và yêu cầu công ty dầu khí C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T1. Đối với tài sản ông T, bà T1 thế chấp cho công ty dầu khí C thì hiện nay ông T, bà T1 vẫn sử dụng không có sang bán, cầm cố, thế chấp cho ai.

Tại bản án sơ thẩm số: 01/2019/KDTM - ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân thị xã M quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại dầu khí C.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn X, chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần thương mại dầu khí C số tiền là 34.504.435.617 đồng (*ba mươi bốn tỷ năm trăm lẻ bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng*), trong đó vốn là 31.060.554.207 đồng (*ba mươi mốt tỷ không trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm lẻ bảy đồng*), lãi là 3.443.881.410 đồng (*ba tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn bốn trăm mười đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 ông Nguyễn Trường T đại diện ủy quyền của bị đơn ông Đặng Văn X chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H và bà Trần Thị Mỹ C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Đại diện của bị đơn cho rằng

bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Bản án sơ thẩm tuyên chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 ông Lê Trung Nguyên K, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thương mại dầu khí C làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Công ty yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2018 về phần nợ gốc và nợ lãi phát sinh giữa công ty với ông Đặng Văn X từ sau ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông X chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ các khoản nợ, nguyên đơn yêu cầu được xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp và các tài sản khác để thu hồi nợ.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 ông Lý Bình Đ là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 giữa ông Đặng Chí T, bà Nguyễn Thị Thùy T1 và Công ty cổ phần thương mại dầu khí C là vô hiệu, xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 3 năm 2018, đối với phần nợ phát sinh ông Đặng Văn X, chủ Doanh nghiệp tư nhân H, sau ngày Công ty dầu khí C nộp đơn khởi kiện. Tổng cộng 9.777.550.055 đồng, trong đó nợ gốc: 7.076.680.000 đồng và lãi 2.700.870.055 đồng.

Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Hợp đồng thế chấp số: 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 và hợp đồng số 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 mặc dù không có đăng ký giao dịch bảo đảm, nhưng đã có sự thể hiện ý chí tự nguyện của các bên bằng việc các hợp thế chấp đã được công chứng tại phòng công chứng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm công nhận tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp, cho phát mãi tài sản thể chấp của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại Điều 201, 202 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại dầu khí C (sau đây viết tắt là Công ty C) và bị đơn ông Đặng Văn X chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H (sau đây viết tắt là Ông X) xuất phát từ quan hệ mở tổng đại lý bao tiêu xăng dầu theo Hợp đồng số 01/HĐ.TĐLXD ngày 01 tháng 01 năm 2012. Theo Hợp đồng các bên có thỏa thuận về thù lao đại lý. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán là không đúng với bản chất của quan hệ hợp đồng của các bên. Tranh chấp của các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại dưới hình thức tổng đại lý bao tiêu xăng dầu theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Thương mại năm 2005. Do vậy, Tòa cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu".

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 15 tháng 3 năm 2017. Ngày 03 tháng 11 năm 2017 đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trường T làm đơn phản tố yêu cầu hủy Hợp đồng thế số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Ngày 13 tháng 3 năm 2017, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn, yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014. Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp tạm ứng phản tố và yêu cầu độc lập là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải 15 tháng 5 năm 2018 đại diện của bị đơn rút lại yêu cầu phản tố nên không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn. Nhưng về quyền khởi kiện yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết là không đảm bảo nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 22/3/2018 về phần nợ gốc và nợ lãi phát sinh giữa công ty với ông Đặng Văn X từ 01 tháng 5 năm 2017 đến ngày 28 tháng 02 năm 2018 với số tiền nợ gốc là 7.076.680.000 đồng và lãi là 2.700.870.055 đồng.

Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu ngày 23 tháng 01 năm 2017 nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu nợ gốc là 31.627.521.880 đồng. Mặc dù khởi kiện nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục thực hiện việc giao dịch với bị đơn, nợ phát sinh, lãi phát sinh sau ngày khởi kiện đã vượt số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, nhưng vẫn nằm trong phạm vi của Hợp đồng số 01/HĐ.TĐLXD ngày 01 tháng 01 năm 2012 giữa các bên đương sự. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là chưa đúng. Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền cho nguyên đơn có quyền khởi kiện bị đơn bằng một vụ án khác tại Tòa án cấp sơ thẩm, là chưa giải quyết triệt để nội dung cần giải quyết của vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự:

[2.1] Bị đơn kháng cáo rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đặng Văn X vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan, về việc thế chấp tài sản chung với bà Trần Thị Mỹ C; Không đưa Phòng công chứng vào tham gia tố tụng là bỏ lọt người tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định giá đối với tài sản thế chấp là giải quyết vụ án chưa khách quan, chưa đảm bảo thi hành án. Đại diện của bị đơn yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Nhận thấy, bị đơn là người có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng số 01/HĐ.TĐLXD ngày 01 tháng 01 năm 2012, về mở tổng đại lý bao tiêu xăng dầu với Công ty C. Bị đơn không hợp tác với nguyên đơn để đưa ra phương án trả nợ để đảm bảo về quyền lợi của các bên tham gia tố tụng, tránh mất thời gian tố tụng. Những lý do kháng cáo của bị đơn

không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì ông Đặng Văn X là chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với số nợ của Công ty C. Việc xem xét hợp đồng công chứng có giá trị pháp lý hay không do Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật dân sự, không nhất thiết phải đưa Cơ quan Công chứng vào tham gia tố tụng. Đối với việc thẩm định giá tài sản thế chấp là cần thiết để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm khi tiến hành thẩm định xem xét tại chỗ, không được bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hợp tác, nên không tiến hành thẩm định được, không thẩm định giá được. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 3 năm 2018 với số tiền nợ gốc là 7.076.680.000 đồng và lãi là 2.700.870.055 đồng. Vào ngày 19 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét .

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử lý tài sản thế chấp của ông Đặng Văn X, bà Trần Thị Mỹ C; ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1 để nguyên đơn thu hồi nợ.

Theo hợp đồng thế chấp số: 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01 tháng 01 năm 2014 (sau đây viết tắt hợp đồng thế chấp số 01) ông Đặng Văn X và bà Trần Thị Mỹ C thế chấp các quyền sử dụng đất gồm:

Thửa 184, tờ bản đồ số 26, diện tích 150m^2 loại đất ở đô thị, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00327 cấp ngày 04/5/2006 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 183, tờ bản đồ số 26; diện tích 150m^2 loại đất ở đô thị, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00330 cấp ngày 04/5/2006 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 185, tờ bản đồ số 26; diện tích 213,69m^2 loại đất cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00329 cấp ngày 15/5/2006 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 186, diện tích 150m^2 loại đất cây lâu năm; Thửa 182, diện tích 64,5m^2 loại đất CDG giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00328 cấp ngày 15/5/2006 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 148, tờ bản đồ 3, diện tích 88m^2 loại đất ở đô thị, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00258 cấp ngày 11/10/2010 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 163, tơ bản đồ 3, diện tích 300m^2 đất ở nông thôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00257 cấp ngày 11/10/2010 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 1354, tờ bản đồ số 3, diện tích 94m^2 loại đất cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00255 cấp ngày 11/10/2010 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 1503, tờ bản đồ số 3, diện tích 28 m^2 đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00259 cấp ngày 11/10/2010 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 1536, tờ bản đồ số 3, diện tích 289 m^2 đất trồng cây lâu năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00299 cấp ngày 11/10/2010 do ông Đặng Văn X và Trần Thị Mỹ C đứng tên chủ sử dụng;

Thửa 940, diện tích 660m^2 loại đất LNK; Thửa 1335, diện tích 300m^2 loại đất thổ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00460 cấp ngày 14/6/2004 do ông Đặng Văn X đứng tên chủ hộ;

Thửa 1873, tờ bản đồ số 01, diện tích 380m^2 loại đất LNK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 cấp ngày 25/5/2004 do ông Đặng Văn X đứng tên chủ hộ;

Thửa 1074, tờ bản đồ số 1, diện tích 360m^2 loại đất LNK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00483 cấp ngày 05/5/2004 do ông Đặng Văn X đứng tên chủ hộ;

Theo hợp đồng thế chấp số 02/HĐTC/2014/DKCL ngày 01 tháng 01 năm 2014 (sau đây viết tắt hợp đồng thế chấp số 02) ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1 thế chấp các quyền sử dụng đất tại các thửa 965, 967, tờ bản đồ số 07, diện tích 600m^2 loại đất SKC và diện tích 200m^2 đất CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01088 cấp ngày 21/11/2008 thuộc quyền sử dụng đất của ông T, bà T1 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp H đối với Công ty dầu khí C.

Về nội dung Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01 tháng 01 năm 2014 số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01 tháng 01 năm 2014 có Thửa 940, diện tích 660m^2 loại đất LNK; Thửa 1335, diện tích 300m^2 loại đất thổ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00460 cấp ngày 14/6/2004; Thửa 1873, tờ bản đồ số 01, diện tích 380m^2 loại đất LNK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 cấp ngày 25/5/2004; Thửa 1074, tờ bản đồ số 1, diện tích 360m^2 loại đất LNK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00483 cấp ngày 05/5/2004 do ông Đặng Văn X đứng tên chủ

hộ. Nhưng chỉ có ông Đặng Văn X và bà Trần Thị Mỹ C ký tên đại diện bên thế chấp, các thành viên khác trong hộ của Đặng Văn X gồm những ai, có đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông X chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H hay không. Trong hồ sơ thế chấp không thể hiện việc đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất của các thành viên trong hộ của ông X. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ nội dung trên. Do vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông X và bà C ký kết với Công ty C không đảm bảo về nội dung.

Về hình thức của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 và số 02 đều không có đăng ký giao dịch bảo đảm là trái với quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Các điều 717, 719 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015); điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm: *"Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất"*.

Mặt khác, tại điểm 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 01, 02 các bên có thỏa thuận: "*Việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B (Công ty C) chịu trách nhiệm thực hiện*". Như vậy, nguyên đơn không thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, dẫn đến hậu quả hợp đồng vô hiệu. Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập"*.

Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp số 01 và 02 đều không đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng vô hiệu là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, để tuyên bố hợp đồng vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là giải quyết chưa toàn diện nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu, và xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý và chưa giải quyết, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Tuy nhiên, tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp số 01 và 02 phải được xem xét giải quyết trong cùng một vụ án tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 01/HĐTC/2014/DKCL ngày 01/01/2014 giữa Công ty C với ông Đặng Văn X, chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H, mới đảm bảo thi hành án.

[2.3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp số 02 vô hiệu, trả lại tài sản gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1 là thiếu sót. Thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tòa cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định về tố tụng và nội dung như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến giải quyết sai về nội dung, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, nên đối với đề nghị của Luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, chưa được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 01/2019/KDTM – ST, ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã M, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại dầu khí C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019384 ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho bị đơn ông Đặng Văn X - Chủ Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019388 ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị Thùy T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019380 ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng được xác định, khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phượng